

Bản án số: 570/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 30/12/2024;
V/v: TrA chấp hôn nhân gia đình.

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Lưu, bà Nguyễn Thị Xuân
Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Luyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
HĐ, thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà Nội tham
gia phiên tòa:** Bà Đỗ Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ, thành phố Hà
Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 433/2024/HNGĐ-ST ngày
18/10/2024, về việc: TrA chấp hôn nhân gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 117/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/11/2024 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 74/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: A Đặng Tài S, sinh năm 1982;

- Bị đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1988;

Cùng HKTT: Thôn CH, xã ĐG, huyện HĐ, TP. Hà Nội.

(A S có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là A
Đặng Tài S trình bày:*

A và chị Phan Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009 tại
UBND xã ĐG, huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

Sau kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, sau đó vợ chồng
thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do sự khác biệt về quan điểm và lối sống. Mặc
dù hai bên đều cố gắng và được gia đình hai bên can thiệp nhưng quan hệ vợ chồng
không được cải thiện và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, chị H về nhà mẹ đẻ ở
từ tháng 5/2024 đến nay và A chị sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc

sống, kinh tế của nhau. Nay A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn chị H.

- Về con chung: A và chị H có 03 con chung là: Đặng Tuấn A, sinh ngày 14/11/2009; Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 03/4/2011 và Đặng Tài Minh N, sinh ngày 07/01/2015. Từ khi A chị sống ly thân, cả ba con đều ở với A, được A và gia đình bên nội chăm sóc, nuôi dưỡng và học hành đầy đủ. Nay ly hôn, A đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con, A không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là chị Phan Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, chị H không chấp hành đến Tòa làm việc, không có văn bản nêu quan điểm về trả chấp.*

** Tại Biên bản ghi ý kiến, bà Nguyễn Thị Đức, là mẹ đẻ của chị Phan Thị H trình bày: Năm 2009, con gái bà là Phan Thị H tự nguyện kết hôn với con rể Đặng Tài S. Sau kết hôn, con gái và con rể được gia đình thông gia cho ăn riêng, ở riêng tại thôn CH, xã ĐG, huyện HD, thành phố Hà Nội. Kể từ thời điểm kết hôn đến năm 2023, bà có nghe thấy thông tin con gái có mâu thuẫn với chồng và gia đình chồng. Khoảng tháng 5/2024, con gái về nhà bà nói chồng đánh đuổi nhưng không nói rõ nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn. Gia đình bà đã khuyên bảo con gái về nhà chồng để nuôi con nhưng con gái bà không đồng ý. Hiện con bà đi làm ăn xa, khi có công việc bà liên hệ thông báo cho con qua điện thoại. Nay con rể bà có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn, gia đình bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.*

** UBND xã ĐG cung cấp:*

A Đặng Tài S và chị Phan Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 02/01/2009 tại UBND xã ĐG. Sau kết hôn, A chị sinh sống ở tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú là thôn CH, xã ĐG, huyện HD, TP. Hà Nội. Hiện nay, chị H không còn ở cùng nhà với A S. Theo thông tin, chị H về nhà mẹ đẻ ở xã Đức Thượng do vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, đến nay A S và H không có đơn thư đề nghị thôn và xã giải quyết mâu thuẫn hôn nhân gia đình, do vậy UBND xã không có thông tin về thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa A S và chị H.

UBND xã thực hiện đăng ký khai sinh cho 03 con chung của A S và chị H là: Đặng Tuấn A, sinh ngày 14/11/2009; Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 03/4/2011 và Đặng Tài Minh N, sinh ngày 07/01/2015.

Các con của A S và chị H có sức khỏe và tâm lý phát triển bình thường, không thuộc diện hưởng trợ cấp xã hội. Hiện A S và 03 con ở cùng gia đình A S ở tại thôn CH, xã DG.

A S và chị H là lao động tự do, không xác định được mức thu nhập hàng tháng.

** Quan điểm của đại diện VKSND huyện HD tham gia phiên tòa:*

1. *Về việc thực hiện thủ tục tố tụng của Tòa án và các đương sự:* Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn cần nâng cao ý thức chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về nội dung:* Đề nghị áp dụng các điều: 56,81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A S, cho A S được ly hôn chị H; Về con chung: giao 02 con chung cho A S nuôi dưỡng; Về tài sản chung, công nợ chung: A S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; Về án phí: A S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- TrA chấp trong vụ án là “TrA chấp về ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn hiện đang cư trú tại địa bàn huyện HD, Tòa án nhân dân huyện HD, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* A Đặng Tài S và chị Phan Thị H kết hôn đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục, điều kiện về kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo A S, sau kết hôn, A chị chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống. Tháng 5/2024, A chị xảy ra mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến chị H đi khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân đến nay, không giải quyết được mâu thuẫn. Trong thời gian sống ly thân, A chị không còn quan tâm đến tình cảm, kinh tế, cuộc sống sinh hoạt

của nhau. Nay A S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn chị H.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành lịch làm việc, thể hiện thái độ bỏ mặc, không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa A S và chị H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện đã sống ly thân, nay không ai có mong muốn giải quyết, khắc phục những mâu thuẫn, do đó yêu cầu của A S được ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Về con chung: A S và chị H có 03 con chung là: Đặng Tuấn A, sinh ngày 14/11/2009; Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 03/4/2011 và Đặng Tài Minh N, sinh ngày 07/01/2015.

Xét thấy, từ khi A S và chị H sống ly thân, cả 03 con của A chị đều có cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định cùng với A S, nay cả 03 cháu đều có quan điểm muốn được ở cùng A S; A S có đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con, đồng thời hiện chị H đi làm ăn xa, không có quan điểm trình bày, do đó cần giao cả 03 con chung của A chị cho A S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: A S không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không có quan điểm trình bày nên Hội đồng xét xử tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung, nợ chung: A S không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp quy định nên được ghi nhận. Chị H không có quan điểm trình bày nên giành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho chị H khi có yêu cầu và phù hợp quy định pháp luật.

[3]. Về án phí: A S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: A S, chị H có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A Đặng Tài S.

- **Về hôn nhân:** A Đặng Tài S được ly hôn chị Phan Thị H.

- **Về con chung:** Giao các con Đặng Tuấn A, sinh ngày 14/11/2009; Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 03/4/2011 và Đặng Tài Minh N, sinh ngày 07/01/2015 cho A Đặng Tài S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ghi nhận sự tự nguyện của A S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: A S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu BLTU/23 số 0038565 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

- A S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND H.HĐ;
- Chi cục THADS H.HĐ;
- UBND xã ĐG
- (Giấy CNKH số 01, quyền số 01
- ngày 02/01/2009;
- Lưu hồ sơ VA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Diệu Kim

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Lưu

Nguyễn Thị Xuân Hương

Lương Thị Diệu Kim

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9h30 ngày 30/12 /2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện HĐ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Kim

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương

Ông Nguyễn Xuân Lưu

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 433/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về trA chấp Hôn nhân gia đình:

- Nguyên đơn: A Đặng Tài S, sinh năm 1982;

- Bị đơn: Chị Phan Thị H, sinh năm 1988;

Cùng HKTT: Thôn CH, xã ĐG, huyện HĐ, TP. Hà Nội.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả trA tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 28; khoản 1, Điều 35; Điều 39; khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A Đặng Tài S.

- Về hôn nhân: A Đặng Tài S được ly hôn chị Phan Thị H.

- Về con chung: Giao các con Đặng Tuấn A, sinh ngày 14/11/2009; Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 03/4/2011 và Đặng Tài Minh N, sinh ngày 07/01/2015 cho A Đặng Tài S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi các bên có yêu cầu.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ghi nhận sự tự nguyện của A S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: A S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu BLTU/23 số 0038565 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

- A S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Chị H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 09h45 cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Lưu Nguyễn Thị Xuân Hương

Lương Thị Diệu Kim

